

Bản án số: 56/2020/HS-PT

Ngày: 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Lê Quang Ninh

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Bà Đàm Thị Vang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Xuân T.

Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Xuân T, sinh năm 1989 tại Bình Phước; Tên gọi khác: Nhóc; Nơi cư trú: tổ 11, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề ngH: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Xuân L và bà Nguyễn Thị T; vợ, con chưa có; tiền án: 02 (Ngày 29/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 13/2016/HSST; Ngày 31/10/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 144/2008/HSST; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 13/2016/HSST; Ngày 31/10/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 144/2008/HSST, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2019 đến nay. (có mặt)

Bị án liên quan đến kháng cáo:

2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1995 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; HKTT: Khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: In ấn, quảng cáo; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đình T (chết) và bà Lê Thị T; vợ Nguyễn Thị Thanh H và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 40/2013/HSST, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/9/2019 đến ngày 04/10/2019 được tại ngoại, đến ngày 01/01/2020 bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân T:** Luật sư Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 - Văn phòng Luật sư Nguyễn L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

Địa chỉ: 194, phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

*** Bị hại:** Anh Điều N, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

*** Người làm chứng:** Anh Điều C, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

*** Người tham gia tố tụng khác:**

Ông Nguyễn Đức A - Điều tra viên Công an huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Ông Vũ Công Q - Cán bộ điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Ông Lưu Minh Đ - Cán bộ điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Xuân T và Nguyễn Đình T có mối quan hệ là bạn bè với nhau. Tối ngày 26/9/2019 T và T1 ngủ tại phòng trọ của T1 thuê thuộc ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khoảng 13 giờ ngày 27/9/2019, T gọi điện cho Điều C, sinh năm 1998; cư trú tại ấp H, xã T, huyện H rủ C qua nhà T1 chơi thì C đồng ý. Khi biết C chạy xe mô tô đến, T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của C. T chịu trách nhiệm kêu C chạy xe đến, T1 chịu trách nhiệm lấy trộm xe của C để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi bàn bạc xong, T tiếp tục gọi điện hỏi C chạy xe mô tô hiệu gì đến thì C nói là đi xe mô tô hiệu YAMAHA loại Satria rồi T báo lại cho T1 biết. T1 bàn với T dụ C đi lên căn nhà hoang gần quán cà phê Emi thuộc ấp C, xã T, huyện H để lấy trộm xe. Khoảng 14 giờ cùng ngày, C rủ Điều N (là em bà con của C) đi chơi và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Satria, biển kiểm soát 93C1-254.51 của

N đề đi thì N đồng ý. C điều khiển xe mô tô của N chở N đến trước quán cà phê Emi. T nói C đi vào căn nhà hoang nên C điều khiển xe mô tô chở N đi vào căn nhà hoang gặp T và T1. Tại đây, do có N nên T và T1 không thực hiện được việc lấy trộm xe mô tô được. Vì vậy, T nhờ C chở đến phòng trọ “Minh Trường” thuộc ấp 3A, xã M, huyện C do Huỳnh Thanh H, sinh năm 1996; cư trú: ấp S, xã T, huyện H (là bạn của T và T1) thuê để lấy đồ (mục đích là để trộm xe tại đây). C nói xe mô tô của N nên để N đi thì N đồng ý. Sau đó, T chạy xe mô tô trên chở N đến phòng trọ của H. Khi đến phòng trọ, T dựng xe mô tô của N sát bờ tường của phòng trọ, hướng đầu xe quay ra ngoài đường, không khóa cổ và khuất tầm nhìn để T1 dễ lấy trộm xe rồi T cùng N đi vào phòng trọ của H ngồi chơi game. Sau khi T điều khiển xe mô tô chở N đi, T1 hiểu ý của T là sẽ lấy trộm xe tại phòng trọ của H nên đi về phòng trọ của T1 lấy đoạn bẻ khóa và đi xe ô tô khách đến xã M, huyện C. Lúc này, T ở phòng trọ gọi điện hỏi T1 đã đi tới đâu rồi thì T1 trả lời gần tới rồi. T1 xuống xe khách tại xã M rồi đi bộ vào phòng trọ của H thì thấy xe mô tô của N dựng phía trước đầu xe quay ra đường. Lợi dụng sơ hở, T1 đi lại xe mô tô của N dùng đoạn bẻ phá ổ khóa xe và nổ máy xe mô tô của N rồi điều khiển xe chạy về hướng thị xã B. N tiếng xe máy nổ, N nói có người lấy trộm xe và chạy ra thì thấy T1 nên nói thẳng T1 lấy trộm xe. Do đuổi không kịp nên N điện thoại gọi taxi đến chở N và T đuổi theo T1 nhưng không kịp. Do vậy, N đến Công an xã M, huyện C trình báo sự việc bị T1 lấy trộm xe.

Đối với T1, sau khi lấy được xe mô tô của N, T1 điều khiển xe mô tô đến gần phòng trọ của T1 quăng đoạn bẻ khóa và về phòng trọ thay áo khác để không bị phát hiện rồi điều khiển xe mô tô của N đến huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tìm tiệm cầm đồ để cầm cố xe lấy tiền. Tuy nhiên, khi được người thân điện báo và khuyên T1 mang xe về trả cho N nên T1 điều khiển xe mô tô về nhà của anh Lê Vũ H, sinh năm 2001; cư trú: ấp 23 Lớn, xã Phước An, huyện H thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C bắt giữ và thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 93C-254.51. Tại cơ quan điều tra, T và T1 đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản số 87/KLĐG-HĐĐGTS ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 93C-254.51 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 40.000.00 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T và Vũ Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; 50, 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2020 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/9/2019 đến ngày 04/10/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2020 bị cáo Vũ Xuân T có đơn kháng cáo kêu oan.

*** Tại phiên tòa:**

Bị cáo Vũ Xuân T không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Điều N xảy ra ngày 27/9/2019.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân T cho rằng bị cáo T không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Điều N ngày 27/9/2019. Xét thấy, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

* Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân T, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân T được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T vẫn giữ nguyên quan điểm theo như đơn kháng cáo, không thừa nhận hành vi phạm tội vào ngày 27/9/2019 như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo không phạm tội và cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót trong việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

Ngoài các lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đình T, Vũ Xuân T, lời khai của người bị hại Điều N, người làm chứng Điều C tại giai đoạn điều tra thì không

có chứng cứ nào khác thể hiện T rủ, bàn bạc thống nhất với T1 về việc lấy trộm chiếc xe mô tô của Điều N.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không thể hiện bản tường trình hay bản tự khai của các bị cáo; các lời khai của T không có ý kiến xác nhận của bị cáo về việc T đã đọc lại lời khai và xác nhận nội dung khai nên chưa đủ căn cứ xác định nội dung khai nhận có đúng ý chí của bị cáo hay không.

Quá trình điều tra không thu thập vật chứng là điện thoại và trung cầu giám định lịch sử, nội dung cuộc gọi điện thoại giữa T và T1 để xem xét, đánh giá nội dung các bị cáo liên lạc, bàn bạc với nhau về việc trộm cắp xe mô tô của N như thế nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T khai: Trước khi đi đến phòng trọ Huỳnh Thanh H để lấy đồ, bị cáo T đã liên lạc trước với đối tượng tên H. Khi đến phòng trọ của H, do điện thoại của bị cáo hết pin nên bị cáo mượn điện thoại của H để liên lạc với đối tượng tên H để lấy tiền đồ xăng (do trước đó H mượn tiền của bị cáo) chứ không gọi điện thoại cho T1. Vì vậy, cần phải làm rõ bị cáo có sử dụng điện thoại của H để liên lạc với H hay không? Nếu liên lạc với nhau thì nội dung liên lạc như thế nào? Mối quan hệ giữa H, bị cáo T và H như thế nào? Vì sao H lại có số điện thoại của H nội dung này cần được làm rõ.

Bị cáo còn khai nhận khi đi đến phòng trọ của H thì bị cáo chạy xe thẳng vào và đầu xe ngang với cửa phòng trọ của H, đầu xe hướng vào phía trong dãy phòng trọ chứ không quay đầu xe trở ra ngoài đường như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố, cũng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Vì vậy, cần làm rõ đầu xe mô tô của N hướng vào dãy phòng trọ hay đầu xe hướng ra ngoài đường để xác định hành vi này có tạo điều kiện cho T1 trộm xe của N hay không.

Tại Cơ quan điều tra T khai: *“Tôi chỉ bàn bạc với T1 là gọi C cùng bạn C ra quán cà phê Emi để T1 lấy trộm xe lúc trước khi C và bạn của C đến còn sau đó tôi không bàn bạc gì thêm với T1. Trước khi đi xuống phòng Mun (H) tôi có nói ở quán cà phê là sẽ đi xuống phòng Mun lấy đồ, lúc này T1 cùng N”* (BL 117-118). Việc T khai nhận có bàn bạc lấy trộm xe của N chỉ dừng lại ở ngôi nhà hoang, còn việc tại phòng trọ của H là do T1 tự ý lấy mà bị cáo không cùng ý chí thực hiện cùng với T1. Vấn đề này cũng chưa được cấp sơ thẩm điều tra, đôi chút làm rõ để xác định vai trò, hành vi phạm tội của T và T1.

Lời khai của T, T1 có mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ về nội dung thực tế T có gọi điện thoại cho T1 hay không khi T đến nhà trọ Mạnh Trường, vì trong lời khai của T1 thì khai là khi T1 đang trên đường xuống nhà trọ của H để lấy trộm xe mô tô của N thì T có gọi điện thoại cho T1. Tuy nhiên chỉ 01 lời khai (BL 121-122) T khai nhận là có gọi điện thoại cho T1 khi T đến nhà trọ của H, còn các lời khai khác của T khai là điện thoại của T hết pin và vào phòng H sạc Pin nên T không gọi được cho T1. Theo lời khai của bị hại N cũng xác định là điện thoại của

T hết pin nên T ngồi xác pin. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm thì N khai là T mượn điện thoại để gọi cho ai đó nói là đi lẹ lẹ lên. Những nội dung như trình bày trên cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ, đồng thời chưa điều tra làm rõ T có gọi điện thoại cho T1 khi đến nhà trọ của H hay không, T sử dụng điện thoại, số điện thoại nào để gọi cho T1 để làm căn cứ xác định vai trò của T có đồng phạm trong vụ án hay không.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình T là thuộc trường hợp “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự bởi lẽ: Tại ngôi nhà hoang, T1 không thực hiện được hành vi trộm cắp xe vì có 04 người, sau đó T1 biết N và T đến phòng trọ của H thì T1 đã tiếp tục di chuyển đến địa điểm này để lấy trộm bằng được chiếc xe mô tô của N.

Biên bản hỏi cung đối với bị can Vũ Xuân T của Viện kiểm sát nhân dân huyện C (BL 175) không thể hiện giờ, ngày, tháng, năm bao nhiêu?

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót trong việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, những nội dung nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại theo quy định, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân T là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân T, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HS-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước để điều tra và xét xử lại theo thủ tục chung.

Án phí hình sự sơ thẩm được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện C; (2)
- Chi cục THADS huyện C; (1)
- Công an huyện C; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Trại tạm giam tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (2)
- Người bào chữa;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu HSVA. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga